

CÁI NHÌN NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO VÀ KIỂU KẾT CẤU “NGƯỜI - TA - NGƯỜI TA” TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU

Hoàng Trọng Quyền
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Bài viết này bàn về một số phương diện đặc sắc, độc đáo trong thơ chữ Hán Nguyễn Du có ý nghĩa như là những nhân tố quan trọng góp phần làm nên tầm khái quát hiện thực rộng lớn và độ sâu sắc của tư tưởng nhân văn Nguyễn Du: Cái nhìn nghệ thuật độc (riêng), quan niệm nghệ thuật khác lòng người ta về hiện thực và con người; cách tiếp cận đối tượng thẩm mỹ từ phương diện văn hóa tạo nên kiểu hiện thực văn hóa có khả năng khái quát cao và sức sống lâu bền; miêu tả gắn liền với triết luận, xúc cảm đi liền với đánh giá; đối tượng phản ánh được nhìn trong sự tham chiếu của bản chất vấn đề nói liền xưa với nay và với cả những dự cảm mai sau. Đặc biệt, với kiểu cấu trúc Người – Ta – Người ta và điểm nhìn con người trong những nghịch lý số phận ở giao điểm của trục lịch đại và đồng đại, Nguyễn Du tạo nên những hệ hình tượng con người nhân văn mang những nghịch lý nhân loại xuyên thời đại luôn cô đơn trên hành trình sống và đấu tranh để bảo vệ cái giá làm người, đối lập và trái ngược với những hệ thống cái xấu, cái ác, cái tha hóa luôn truy đuổi và tìm diệt những tinh hoa của con người, triệt tiêu quyền sống của con người; miêu tả hiện thực đấu tranh của con người trong những cái kết bi thảm của những số phận cá biệt nhưng lại làm bật lên chiến thắng của lý tưởng nhân văn mang tầm phổ quát của nhân loại, vượt qua mọi thời gian và không gian.

Từ khóa: nghệ thuật, kết cấu, Người – Ta – Người ta, Nguyễn Du

Trông người lại ngẫm đến ta (Truyện Kiều)

Cái giá bất tử của thơ Nguyễn Du xuất phát từ nhiều lý do, trong đó có hình thức của cái nhìn nghệ thuật và quan niệm nghệ thuật mới, mang đến nội dung tư tưởng và giá trị thẩm mỹ mới. Trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, cái nhìn độc và quan niệm nghệ thuật khác lòng người ta với kiểu kết cấu Người – Ta – Người ta là những đặc trưng nổi bật, làm nên giá trị có tính khu biệt với sáng tác của các nhà thơ Việt Nam và Trung Quốc tiêu biểu khác trước Nguyễn Du. Những vấn đề mà Nguyễn Du

cảm nhận và thể hiện về xã hội và con người, lịch sử và văn hóa là những điểm hội tụ từ sự tham chiếu nhiều chiều không gian và nhiều thời gian khác nhau. Do vậy, ở đó có sự gặp gỡ, tích hợp và bao hàm của cái nhất thể và toàn vẹn, cá nhân và cộng đồng, một thời và nhiều đời, hiển ngôn và hàm ngôn, và đặc biệt là những vấn đề trọng yếu của nhân loại mà con người luôn quan tâm xuyên qua mọi thời gian và không gian. Điều đó làm nên những hình tượng nghệ thuật có sức sống lâu bền.

1. Cái nhìn về chính mình trong những biểu hiện phân thân

Cái nhìn độc đáo diễn ra trong cả quá trình sáng tác của Nguyễn Du, từ *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, đến *Bắc hành tạp lục* với những biểu hiện khác nhau về đối tượng thẩm mỹ, phương cách tiếp cận, thể hiện; thái độ, xúc cảm và đánh giá. Có thể coi *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* là giai đoạn Nguyễn Du lánh mình, giấu mình khỏi những *bụi trần tạp thế* trước những biến thiên của thời cuộc, tai biến của gia đình và cá nhân nhà thơ. Nhưng thăm sâu bên trong con người ông luôn đầy ắp những sóng ngầm bất khoan, trăn trở, day dứt, đấu tranh, vật lộn để giữ mình giữa những xung lực trái chiều.

Trong hai tập thơ *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* nổi bật cái nhìn của Nguyễn Du về chính mình. Nét *độc* trong cái nhìn này thể hiện không chỉ ở chỗ tần suất xuất hiện của hình tượng tác giả dường như là cao nhất so với các nhà thơ trung đại Việt Nam, mà còn, đặc biệt là cái cách ông nhìn chính mình. Thực tế thì trong văn học trung đại Việt Nam và Trung Quốc, sự ý thức về bản thân, bản ngã của cái tôi tác giả thể hiện trong thơ trữ tình không phải đến Nguyễn Du mới xuất hiện mà đã có từ trước, tiêu biểu như trong thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm... Ý thức đó xuất hiện khi nhà thơ bất mãn với triều chính và thế cuộc, thể hiện bằng trạng thái cô đơn và sầu bi, đề cao nhân tản, ngợi ca thiên nhiên nhằm phủ nhận vinh hoa, ô trọc... Chẳng hạn, *Thi Tiên*⁽¹⁾ Lí Bạch cô độc uống rượu chỉ với bóng của mình và trăng: *Cử bôi yêu minh nguyệt, Đối ảnh thành tam nhân*⁽²⁾ (Nâng chén mời trăng sáng; Trước bóng ta nữa thành ra ba người – *Nguyệt hạ độc chước*). Khi *Thi tiên* chán cảnh tù túng và phàm tục

nơi cung điện thì già biệt triều đình không chút luyến tiếc để ra đi ngao du sơn thủy, luyện đàn múa kiếm và thả hồn vào thiên nhiên, vũ trụ trong tâm trạng của một vị *Trích tiên*⁽³⁾ (vị tiên bị đày xuống trần gian)... Đỗ Phủ vì *Cùng niên ưu lệ nguyên*⁽⁴⁾, nên hừng hực khát vọng nhập thể với mong ước *Trí quân Nghiêu Thuân thượng, Tái sử phong tục thuần*, nhưng thất vọng và buồn thế cuộc và thân phận thì dù *bách niên đa bệnh vẫn độc đẳng đài*, thả nổi sầu vào thiên nhiên, vũ trụ. Ông cô đơn tốt cùng vì *Mình ca mình khổ một đời, Bơ vơ nào thấy ai người tri âm*⁽⁵⁾ (*Nam chinh*). Bạch Cư Dị thất thế thì bực lộ sầu đau trong tiếng đàn tỳ bà âm vang trường hận. Nguyễn Trãi bị bọn xấu gièm pha, mưu hại thì *Giữ bụi làm đề đền với tùng lâm*. Nguyễn Bình Khiêm sau khi dâng sớ chém bọn lộng thần nhưng không được vua nhà Mạc chuẩn tấu, đã lạng lẽ cáo quan về với *mai, cuốc, cần câu* và vui trong cuộc sống đạm bạc *nơi vắng vẻ* của người *dại*, lánh xa *chốn lao xao* của người *khôn*...

Nhưng đến Nguyễn Du, dường như không còn chỗ nào để ẩn nữa, vì trong quan niệm và cảm nhận của ông, lúc này *Mạc mạc trần ai mãi thái không*⁽⁶⁾ (*Bụi trần mù mịt đầy trời – Ký hữu*). Thế nên Tổ Như thường xuyên đành phải *bế môn* (đóng cửa) để giữ mình: *Bất dung trần cấu tạp thanh hư* (Không cho bụi bặm lẫn vào hồn trong trẻo – *Ngọa bệnh*), *Tứ thời tâm kính tự như như* (Bốn mùa tâm lòng như gương vẫn tự nhiên như thái như không – *Tạp thi*), *Thả hỉ tu mi bất nhiễm trần* (Hãy mừng là mày râu không nhuốm bụi – *Dạ hành*), thậm chí là *bế môn* để tạ từ tiếp bạn tri âm. Với cái nhìn và tâm trạng như thế của một người bầm giập trong *cuộc bể dâu*, màu tối đêm, màu sẫm chiều nghiêng nhiên thống lĩnh trong *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* (các từ ngữ

chỉ buổi đêm, tối, màu tối xuất hiện 67 lần). Đây không phải đơn thuần là buổi đêm của thời gian vật lí mà là đêm của tâm trạng và nỗi cảm. Màu tối của vũ trụ, không gian từ những ám ảnh về thân phận con người trùm chụp, bao bọc, bủa vây lấy con người Tố Như cô đơn. Đêm đen tối và không xác định được thời gian: *Hắc dạ hà kì mê thất hiểu* (Đêm đen tối, lúc này là lúc nào mãi chẳng thấy sáng - *Dạ hành*). Đêm tối và không thể tìm đâu ra ánh sáng mùa xuân: *Hắc dạ thiếu quang hà xứ tằm* (*Xuân dạ*)... Chính cái nhìn phủ định thực trạng xã hội với sự tuyệt vọng tột cùng đã phổ sắc chiều màu đêm thành một vệt đậm và rất riêng trong cái nhìn và quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Du. Thế nhưng, ông không quay lưng hay buông trôi mà đã tự mình hứng chịu nỗi đau nhân thế như những cơn gió lạnh từ nghìn xưa dồn đến cho mỗi mình Tố Như: *Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân*. Đối diện với đêm dài là một mình nhà thơ cô đơn khêu ngọn đèn: *Tiểu đăng độc chiếu sơ trường dạ* (*Thu dạ*). Trong đêm đen dày đặc, hoang lạnh ấy, có con người nhân văn Tố Như thao thức, trăn trở và dấn vật trong cô đơn, trong âm thầm và lặng lẽ về cõi người, kiếp người, con người: *Trù trường thâm tiêu cô đối ảnh* (Trong đêm khuya cô tịch, buồn rầu một mình đối bóng – *Tống nhân*), *Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ* (Suốt đêm bận lòng khổ tâm ngủ không được – *Thăng long*), *Cô đăng tương đối đảo thiên minh* (Ngọn đèn cô đơn đối diện với mình cho đến sáng – *Mạc phủ tức sự*). Trong cuộc chiến của mình, con người nhân văn Thuý Kiều cũng thường *Một mình nàng ngọn đèn khuya*, và *Đĩa dầu voi nước mắt đầy năm canh* như Tố Như vậy. Trong những cuộc đấu tranh, dấn vật và trăn trở ấy, con người thơ Tố Như sáng trong, thấu hiểu, tinh táo được sinh hạ bên trong con người ông quan Nguyễn Du.

Như vậy, Tố Như cũng có tâm trạng với những nét giống như các bậc tiền nhân qua các hình ảnh thường được lặp lại ở nhiều bài thơ như một sự khắc khoải và đón đầu: *cô độc và lặng lẽ, ngọn cỏ bông đứt gốc, cánh bèo lưu lạc, mái tóc bạc trắng, nhớ thương quê nhà*... Nhưng điều đáng nói là trong cái nhìn về chính mình, còn có một sự biến đổi về chất - một bước chuyển lớn trong tư duy nghệ thuật của người nghệ sĩ trong lộ trình phát triển của nó: Hình tượng tác giả được miêu tả như một đối tượng thẩm mỹ, một khách thể phản ánh. Trước Nguyễn Du, ở sáng tác của các thi nhân tiền bối trong cái nhìn nghệ thuật về chính mình, nhìn chung vẫn là một đối tượng thuần toàn, nhất khối. Nhưng với Nguyễn Du thì đã có sự tự *phân thân* chính mình thành *hai mình*, tạo nên một nét *độc* trong cái nhìn nghệ thuật của Tố Như. Trong đó, hai *mình* đối ngữ, đối chất như hai con người trong một con người. Đó là con người phân tâm, phân thân – một bước chuyển mới so với hình tượng thuần toàn, nhất khối được thể hiện trong văn học trung đại Việt Nam và Trung Quốc trước Nguyễn Du trong lộ trình phát triển của tư duy nghệ thuật và hình tượng. Đó là một biểu hiện bước đầu của cái nhìn *độc* và quan niệm *khác lòng người ta*.

Xét trong lộ trình biến chuyển và phát triển thơ chữ Hán Nguyễn Du thì *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* vừa là giai đoạn phát triển về chất so với thơ trung đại Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời cũng là giai đoạn chuẩn bị về lượng để đến *Bắc hành tạp lục* thì tạo nên một bước phát triển mới trong những hình thức mới của cái nhìn. Trong *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm*, hình tượng thẩm mỹ trong cái nhìn ở dạng thái này chủ yếu chỉ xuất hiện với kiểu kết cấu *Ta – Ta* (Nguyễn Du với Tố Như).

Tuy nhiên kiểu kết cấu *Người - Ta - Người Ta* cũng đã bắt đầu hé lộ qua một vài thi phẩm, tiêu biểu như trong *Độc Tiểu Thanh ký* (sáng tác cuối *Thanh Hiên thi tập*). Thi phẩm này như một dấu ấn rọi quầng sáng của nó ngược về những bài thơ được sáng tác trong những thời gian trước, giúp người đọc hiểu được rõ hơn cuộc chiến giữa *Ta* với *Ta* ngay trong chính chủ thể trữ tình mà cũng là đối tượng miêu tả Tố Như. Đồng thời, nó có ý nghĩa như là sự mở đầu cho một cái nhìn mới, một kiểu kết cấu mới trong những sáng tác về sau, nhất là trong *Bắc hành tạp lục*.

2. Cái nhìn độc về khách thể với kiểu kết cấu *Người - Ta - Người ta*

Đến *Bắc hành tạp lục* (và cả trong *Truyện Kiều*), cái nhìn chuyển biến và phát triển không chỉ về đối tượng phản ánh mà cả đặc trưng đối tượng. Đó là khi Tố Như hướng về tha nhân, kiểu kết cấu *Người - Ta - Người ta* xuất hiện và tạo nên một vết sáng đậm nổi bật trong thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Du.

Ở *Bắc hành tạp lục*, trong cái nhìn và quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Du có một sự bùng nổ mạnh mẽ về chất được thể hiện ở nhiều phương diện như kết án xã hội, ngợi ca thiên lương, khẳng định lý tưởng nhân văn... Tất cả những vấn đề đó đều được thể hiện trong cái nhìn riêng, cũng có thể coi đó là một cách lạ hóa đối tượng. So với hai tập thơ trước, trong *Bắc hành tạp lục*, chủ thể trữ tình Tố Như cũng vẫn ý thức rõ nguyên do nỗi đau trong mình *Hà dĩ thanh tình khan thế sự/ Phù bình nhiều nhiều cánh kham ai* (Sao ta lại đem trong sạch, tinh táo để nhìn đời./ Để phải như cánh bèo trôi giạt rất đáng thương - *Lưu Linh mộ*). Ông ý thức được bi kịch của sự khác đời: *Thiên cổ thù nhân liên độc tỉnh* (Nghìn xưa có ai thương người một mình tinh táo - *Tương Đàm điệu Tam Lư*

đại phu). Nhưng, đến đây, cái nhìn của nhà thơ hướng về phía tha nhân, mở rộng và xuyên sâu vào những vùng miền hiện thực và văn hóa, rọi khắp cả dương gian và âm phủ, kiếp sống và cõi chết của nhiều thân phận con người để sẫm soi, lật tìm, mô tả và triết luận nhân văn về những trường hợp có tín hiệu thẩm mỹ đáng quan tâm, kết thành một hệ thống con người đa dạng, phong phú, hoặc có chung mã thẩm mỹ và tương đồng, tương liên với nhau hoặc tương phản với nhau.

Với cái nhìn như thế, ở *Bắc hành tạp lục* kiểu kết cấu *Người - Ta - Người ta* xuất hiện với hai hình thái (tạm gọi là *Người - Ta - Người ta* (1) và *Người - Ta - Người ta* (2). Trong đó, sự giống nhau giữa hai hình thái là các thành tố *Người* và *Ta* không thay đổi, còn thành tố *Người ta* thay đổi - hai hệ thống đối lập với nhau.

Thành tố *Người* (ngôi thứ hai, số ít) là đối tượng thẩm mỹ trực tiếp trong phản ánh của Nguyễn Du. Đó là các nhân vật cụ thể, có danh tính, hành vi, nhân cách, tạo thành một hệ thống hình tượng con người nhân văn, gồm những hiền tài (các nhân vật lịch sử, văn hóa); những phụ nữ Tài - Sắc - Tình mà bạc mệnh. Tiêu biểu như Tiểu Thanh, Tam Lư đại phu, Lý Thanh Liên, Đỗ Thiều Lãng..., (nếu tính chung trong toàn bộ thế giới nghệ thuật của nhà thơ thì bao gồm cả Thúy Kiều). Đây là hệ hình tượng có mã kí hiệu thẩm mỹ chung là: Tập trung những giá trị cao đẹp nhất của con người, có giá trị phổ quát chung cho nhân loại tiến bộ nhưng chịu bi kịch và nghịch lý của số phận.

Thành tố *Ta* trong kiểu kết cấu *Người - Ta - Người Ta* là chính Tố Như - không phải con người ông quan Nguyễn Du đã từng chạy theo Lê Chiêu Thống sang Trung Hoa trong tâm trạng hoảng hốt *Ngán ngơ*

trông ngọn cờ đào,/ *Đành như thân gái*
sóng xao Tiền Đường (Tổ Hữu), và *Thay*
cái cày bằng cái lưỡi sinh kế thường đủ khi
 làm quan cho triều Nguyễn, mà là con
 người thơ Tố Như *Bách niên cùng tử* vẫn
chương lý (Trăm năm chết xác trong chốn
 văn chương – *Cảm tác*) *đắm* mình trong nỗi
 đau của nhân loại, thương cảm, âu lo, phẫn
 nộ, tuyệt vọng cho thân phận và hành trình
 con người hiền lương giữa cõi mệnh trong
 cuộc săn đuổi của *ma quỷ* chực chờ *Giáo*
tước nhân nhục cam như di! (Nhai xé thịt
 người ngọt xót như đường– *Phản chiêu*
hồn), nhưng cũng luôn tin tưởng cho sự bất
 tử của giá trị con người với lý tưởng nhân
 văn. Quan hệ giữa *Người* và *Ta* là quan hệ
Trông người lại ngẫm đến ta, tính tư tưởng
 và thẩm mỹ chung nối kết *Người* và *Ta*
 nhìn chung là *phong vận kỳ oan*.

Thành tố thứ ba, *Người ta*, được phân
 thành hai nhánh khác nhau (Ở Truyện Kiều
 thì quan niệm *người ta* là chỉ chung tất cả
 thế giới của con người (*Trăm năm trong cõi*
người ta). Với nhánh thứ nhất, *Người ta*
 (1), (ngôi thứ ba, số nhiều) là toàn bộ nhân
 loại tiến bộ, những con người chân chính,
 hướng thiện, thiên lương, khát cuộc sống
 làm người nhưng bị tước đoạt quyền sống,
 bị áp bức, bị săn đuổi và bị chặn đứng
 trước mọi lối đi của con người lương thiện.
 Nhánh này là một hệ thống ẩn, tượng trưng,
 ngầm chỉ nhưng phổ quát và có vị thế đặc
 biệt trong toàn bộ thế giới nghệ thuật của
 Nguyễn Du. Thành tố *Người ta* (1) tham
 gia vào hệ thống kết cấu *Người – Ta –*
Người ta với cách thức: Một mặt, được tạo
 ra từ sự tương liên, song trùng của các giá
 trị và đặc trưng của hai thành tố *Người* và
Ta, hệ quả của *Người* và *Ta* tương tác, phối
 kết và giao thoa với nhau tạo thành; mặt
 khác, được tạo nên từ sự cộng hưởng của
 người đọc tiến bộ qua bao nhiêu thời gian

và không gian khác nhau. Chẳng hạn, khi
 Chế Lan Viên viết: *Có lúc đọc thẳng Kiều,*
có lúc đọc nghiêng nghiêng./ Đọc thẳng
nghe về Kiều, đọc nghiêng nghe về ta vậy
 (*Đọc Kiều*); Tố Hữu viết *Hỡi người xưa*
của ta nay (*Kính gửi cụ Nguyễn Du*), là tiếp
 nhận Nguyễn Du từ tâm thế của một người
 trong hàng triệu người thuộc *Người ta* bằng
 giá trị ý niệm của hình tượng con người
 trong sáng tác của Nguyễn Du.

Với nhánh thứ hai, *Người ta* (2), là một
 hệ hình tượng khác (đối lập với hệ thống
 con người nhân văn, hiền tài), bao gồm
 những thế lực thống trị xã hội và quan lại
 tha hóa, độc ác, bất nhân như *Tào Tháo*,
Thượng Quan Ngạn Thượng, *Tàn Cối...*,
 những kẻ mà Tố Như gọi bằng cái tên
 chung nhất là *họ*, là *rắn ròng quỷ quái*. Hệ
 hình tượng này vừa xuất hiện bằng những
 con người cụ thể, vừa tồn tại ở dạng khái
 quát, biểu trưng. Tố Như miêu tả và triết
 luận về tính đối lập, trái ngược và xung
 khắc của *Người ta* (1) và *Người ta* (2) trong
 toàn bộ thế giới nghệ thuật của ông không
 phải bằng tiêu chí giai cấp tính mà bằng
 tiêu chí nhân văn, văn hóa.

Tất nhiên, kiểu cấu trúc *Người – Ta –*
Người ta cần được tiếp nhận như là kiểu
 cấu trúc tiêu biểu nhất chứ không phải duy
 nhất, là cái lõi trong bút pháp xây dựng
 hình tượng, thể hiện tập trung nhất tính tư
 tưởng và thẩm mỹ trong thế giới nghệ thuật
 của Nguyễn Du nói chung và trong thơ chữ
 Hán Nguyễn Du nói riêng. Bởi vì, trong
Bắc hành tạp lục, cái nhìn độc và quan
 niệm nghệ thuật mới lạ của Nguyễn Du thể
 hiện đa dạng và phong phú, nhưng không
 phải cái nhìn *độc* và quan niệm nghệ thuật
 mới lạ nào cũng thể hiện bằng kiểu kết cấu
Người – Ta – Người ta. Chẳng hạn, các thi
 phẩm như *Dương Phi cố lý*, *Tỷ Can mộ*,
Lưu Linh mộ..., thể hiện cái nhìn và quan

niệm nghệ thuật mới mẻ nhưng không biểu thị kiểu cấu trúc này.

Trong *Dương Phy cố lý*, Tô Như thoát ra khỏi thói quen cũ của quan niệm về sự việc và con người Dương Quý Phi bằng cái nhìn thương cảm, minh oan cho người đẹp và kết tội triều đình:

*Sơn vân tước lược ngạn hoa minh,
Kiến thuyết Dương Phi thử địa sinh.
Tự thị cử triều không lập trượng,
Uống giao thiên cổ tội khuynh thành.*

(Mây núi thừa thớt, hoa bên bờ sông sáng rõ./ Nghe nói Dương Phi sinh ở đất này./ Từ đây cả triều đều là người đứng như phỗng./ Mà nghìn năm còn đổ tội oan cho người đẹp khuynh thành). Hoặc trong *Tĩ Can mộ*, Tô Như quan niệm khác lòng người ta: Từ số phận cụ thể và cá biệt của Tĩ Can, nêu lên một chân lý về bi kịch con người trong xã hội thời bấy giờ:

*Thất khiếu hữu tâm an tị phẫu,
Nhất khâu di thực tận thành nhân.*

(Có trái tim bảy lỗ thì làm sao tránh bị mổ?/ Một gò cây cỏ đều thành nhân)

Tĩ Can là chú vua Trụ, vì lòng trung với vua Trụ nên không cần trốn tránh hay giả điên như Cơ Tử (cũng là chú của vua Trụ) để thoát chết. Do Tĩ Can có lòng ngay thẳng và thường can gián vua nên vua giết Tĩ Can, với lý do là *Ta nghe nói tim của thánh nhân có bảy lỗ, nên ra lệnh mổ bụng Tĩ Can để xem tim*. Vấn đề ở đây là cái triết luận của Nguyễn Du đã nâng tình tiết thành bi kịch phổ quát: *Có trái tim bảy lỗ thì làm sao tránh khỏi bị mổ*. Đó là bi kịch của người hiền tài, trung thực và tận tâm.

Trong *Lưu Linh mộ*, ông nhìn Lưu Linh bằng ánh nhìn mỉa mai (không như người đời thường tôn vinh Lưu Linh là một trong *Trúc lâm thất hiền*):

Lưu gia chi tử bất thành tài,

Hà sấp dương ngôn tử tiện mai.

Túy lý dĩ năng tề vạn vật,

Tử thời hà thất niệm di hài

(Anh chàng họ Lưu chẳng làm nên trò trống gì,/ Vác cuốc rêu rao *chết đâu chôn đó*./ Trong cơn say đã có thể coi vạn vật như nhau./ Lúc chết hà tất phải lo nghĩ đến hình hài)

Trong *Tần Cối tượng*, Tô Như không bằng lòng với cái cách người đời thường lấy gậy đánh và nhổ vào đầu vào mặt tượng Tần Cối (được tạc quỳ bên tượng Nhạc Phi), mà ông nhìn thấy vấn đề ở chỗ cái công của Tần Cối là *làm gương* để cho bọn loạn thần muôn đời sau phải sợ:

Thị phi tấn thuộc thiên niên sự,

Đả mạ hà thương nhất giả thân (...)

Thùy vân ư thế vô công liệt?

Vạn cổ do năng cụ loạn thần...

(Đúng, sai là chuyện nghìn năm định luận,/ Đánh mắng có làm đau đớn gì cái thân giả ấy? (...)/ Ai bảo nó không có công trạng gì góp cho đời?/ Nó vẫn (làm gương) cho bọn loạn thần muôn đời sau phải e sợ).

Điểm qua một đối tượng thẩm mỹ như thế hẳn cũng ít nhiều thể hiện được phần nào nét lạ, chất riêng trong cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Du. Tuy nhiên những đối tượng vừa được dẫn không phải là những vấn đề mà nhà văn quan tâm nhất, không thuộc tầm ngắm và đích đến chính yếu trong chú tâm của Tô Như về con người, chưa đích thị là cái làm nhà thơ thường *bất mị*. Mà cái hệ đối tượng thẩm mỹ chính trong cảm quan của Tô Như với bao suy tư, trăn trở và âu lo là những thân phận hàm chứa bi kịch nhân văn của nhân loại, bao hàm trong nó những vấn đề mà *Cổ kim hận sự thiên nan vấn*, và nó chi phối, tác động nhiều nhất đến nhà thơ đến mức ông *Thiên tuế trường ưu vị tử tiên* như Lý Thanh Liên, Đỗ Thiều Lăng, Tam Lư đại phu (và Thúy

Kiều trong *Truyện Kiều*). Ở những hình tượng như thế, *Ta* gặp *Người*, khóc thương *Người* mà cũng là khóc cho *Ta*, chuyện của *Người* và *Ta* không chỉ là của riêng *Chúng ta* mà đã có từ ngàn xưa như những *con gió lạnh dồn đổ vào Ta*, thành những nỗi lo hằng thường trong *Ta* bởi *Không biết ba trăm năm lẻ nữa*, có ai còn trong cảnh như *Người* và *Ta* để mà có thể *khóc Tố Như chăng?*

Các đối tượng thẩm mỹ này có đặc điểm số phận rất cá biệt, nhưng trong cái nhìn của Nguyễn Du, ông không chỉ làm nổi bật những tình tiết tiêu biểu nhất của từng con người cụ thể đó, mà quan trọng hơn là đã tạo nên cái *mã nghệ thuật*, một chất kí hiệu chung kết nối các hình tượng với nhau tạo nên tính hệ thống trong thế giới nghệ thuật của mình. Ở những hình tượng này, kiêu kết cấu *Người – Ta – Người ta* trở thành một vùng sáng nổi bật, tiêu biểu trong thi pháp thơ chữ Hán Nguyễn Du.

Chẳng hạn, trong *Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ* (2 bài), cái nhìn về Đỗ Thiếu Lăng (vị *Thi Thánh* được Tố Như hết lòng ngợi ca, khâm phục, tôn vinh là *Thiên cổ văn chương thiên cổ sự*, và đêm đêm, Tố Như *Mộng hồn dạ nhập Thiếu Lăng thi*) là khác biệt với người đời: Khi tất cả (*cộng*) đều thêm, ước cái danh của Thiếu Lăng (*Cộng tiến thi danh sự bách thế*), thì riêng Tố Như *Độc bi dị vực ký cô phần*; chỉ Tố Như nhìn thấy cái bi phần trong nghịch lý Đỗ Thiếu Lăng: *Văn chương quang diệm thành hà dụng, / Nam nữ thân ngâm bất khả văn*. Nhưng chuyện đó đâu riêng của *Người*, mà cũng là của *Ta* nữa, nên mỗi lần đọc thơ *Người* là *Ta* lại khóc: *Mỗi độc nhơ quan đa ngộ thân, / Thiên niên nhất khóc Đỗ Lăng nhân...* Tố Như thấu hiểu nghịch lý và bi kịch Đỗ Thiếu Lăng, tri âm khóc thương Đỗ Thiếu Lăng mà cũng khóc cho

chính mình bởi thân phận, nỗi niềm Thiếu Lăng tương liên với Tố Như. Theo đó *Người* và *Ta* hòa vào nhau, và phổ quát thành *Người Ta* biểu trưng cho bi kịch chung của nhân loại. Đó là: cái Tài, cái Tình đẹp để thành *kỳ oan*; cái Tâm cao cả vì con người, vì tha nhân không được thực hiện, và bi phần hơn, kẻ *Cùng niên ưu lệ nguyên hãm hờ* cả đời ước nguyện giúp vua để *Trai cày gái dệt thấy vui ca*⁽⁵⁾, và người hứng chịu *Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân* của nỗi đau nhân thế nghìn năm trước dồn vào mình luôn *thoi thót như lúa thành bên cồn*, như cánh chim về rừng pháp phòng âu lo, thương cảm và hãi hùng dõi theo từng bước chân của con người nhân văn giữa cõi mệnh có bi kịch giống nhau: Gia đình ly tán, vợ ốm con đói (thậm chí con Đỗ Phủ chết đói mất hai đứa), suốt đời đau khổ vì thương người..., và chính Tố Như về sau cũng *dị vực ký cô phần* như Đỗ Thiếu Lăng! Nhưng cái tương liên chính giữa *Người* với *Ta*, và từ đó mở rộng ra thành chuyện của *Người Ta* không phải là nỗi đau riêng đó, mà là bi kịch có tính phổ quát của hiền tài, của lương tri, của những phẩm tố tinh hoa của con người giữa cõi mệnh tàn ác, bất nhân và quỷ quyết nơi *Cõi người đầy khắp quỷ ma chờ*. Nguyễn Du không nói rõ bi kịch của Thiếu Lăng và cũng là của Tố Như là của con người ta, về đó ẩn, nhưng người đọc tiên bộ nhận ra được vì tính phổ quát xuyên thời gian không gian của bi kịch nhân văn. Điều đó cũng là một trong những lí do làm cho thơ Nguyễn Du có sức sống vượt thời gian, không gian... Thêm một điều thú vị nữa là, ngay trong bài thơ khóc thương Đỗ Thiếu Lăng bên mộ vị *Thi Thánh* này, Tố Như thể hiện một quan niệm mới về mối quan hệ giữa văn chương và người nghệ sĩ *độc* so với quan niệm của Đỗ Phủ xưa kia: Đỗ Phủ

cho rằng: *Văn chương tăng mệnh đạt* ⁽⁶⁾, còn Nguyễn Du quan niệm: *Nhất cùng chí thử khởi công thi*? Hai ý kiến này không đối lập, trái ngược nhưng khác nhau: Đỗ Phủ nhìn mối quan hệ của *văn chương* và *mệnh đạt* với tính chất là xung khắc, tương phản và loại trừ nhau. Còn Nguyễn Du nhìn vấn đề trong một lô gíc có tính nhân quả: Chính vì *hay thơ* nên mới *khốn cùng*; *hay thơ* là nguyên nhân dẫn đến hậu quả là *khốn cùng*. Đó là một triết lý về bi kịch của con người nhân văn, văn hóa.

Trong thi phẩm *Đào Hoa đàm Lý Thanh Liên cựu tích*, cái nhìn, quan niệm và kết cấu *Người – Ta – Người ta* hàm chứa những giá trị tư tưởng và thẩm mỹ vừa có nét giống, vừa có điểm khác với *Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ*. Thi tiên Lý Bạch được Tổ Như nhìn ở những nét *độc*: Một là, nhìn Lý Thanh Liên trong không gian thiên nhiên rạng rỡ vẻ đẹp và hào quang Lý để lại nơi đầm Đào Hoa. Hai là, quan niệm ánh sáng tiên nơi Lý tỏa rạng vào thiên nhiên, biến thiên nhiên và mọi vật nơi đó đều thành tiên: *Tùng bách bên đầm giữa mùa đông vẫn xanh,/ Con cá, con chim thấy thành tiên*. Ba là, nhìn thấu suốt nỗi đau của Lý, đó là nỗi đau của bậc hiền tài trân quý nghĩa tình, đề cao giá trị con người gắn với tự do; phủ nhận, coi khinh vinh hoa phú quý như *cái giày rách* giữa cõi đời như đục và hỗn tạp. Đó là *Người*, còn *Ta*:

*Trù tướng, tư nhân, bất phục kiến,
Viễn lai sử ngã tâm mang nhiên.*

Thế lộ trần ai tín hỗn trọc,

Bất như chung nhật thống ẩm toàn ngô thiên.

(Buồn vì không thấy lại được người ấy,/ Khiến ta từ xa đến lòng thấy bụi ngùi./ Đường đời bụi bặm thật quả là như đục và hỗn tạp,/ Chi bằng suốt ngày uống tràn mà giữ tròn lấy thiên tính).

Đến đây thì quan hệ *Người – Ta – Người ta* hiển lộ đầy đủ. Bên cạnh sự cảm thương *Ta* dành cho *Người*, là sự tương liên của hiền tài nhưng phải sống trong cảnh *bụi bặm, như đục và hỗn tạp*. Trong thực tế, Tổ Như đã phải gồng mình tránh bụi trong cảnh *bế môn*, từng ước *Xuống tóc vào rừng nằm nghe tiếng thông reo*, và cũng từng ca khúc *có rượu cứu giốc bầu* như Lý Thanh Liên xưa. *Bụi* tràn từ thời của Lý đến thời của Nguyễn, cũng như *Nhất cùng chí thử khởi công thi* chảy từ thời của Đỗ về thời của Nguyễn vậy. Theo đó, vấn đề trở thành chuyện chung, chuyện của *Người ta*.

Cái nhìn và quan niệm của Tổ Như như thế không chỉ *khác lòng người ta* đương thời, mà cũng khác với ngay cả với cái nhìn của Đỗ Phủ về Lý Bạch. Đỗ Phủ có đến 6 bài thơ viết về Lý Bạch. Đó là các bài: *Tặng Lý Bạch* (2 bài, viết vào các năm 744 và 746), *Xuân nhật ức Lý Bạch*, *Mộng Lý Bạch*, *Thiên mạt hoài Lý Bạch*, và *Bất kiến* ⁽⁹⁾ (thống kê trong cuốn *Thơ Đỗ Phủ*). Nhìn chung, Đỗ viết về Lý vừa từ những nét tính cách, tài thơ của Lý vừa từ những cảnh đời thực bi kịch của Lý mà Đỗ luôn dõi theo trong lịch sử, xã hội đời nhà Đường đầy biến động tang thương, để cảm thông, bênh vực. Còn Nguyễn nhìn Lý trong mối quan hệ tạo tác giá trị của *Thi Tiên* với thiên nhiên, mang lại những cái đẹp bất tử cho cỏ cây cùng vạn vật, đồng thời là một cách tiếp cận để làm rõ bản chất mang tính xã hội ngay cả ở những hành trạng khác người của Lý. Cái nhìn mới, cách cảm mới đó của Tổ Như về Lý Thanh Liên tạo nên một hiệu ứng nghệ thuật mới trong kiểu kết cấu *Người – Ta – Người ta*. Nếu với *Thi Thánh*, *Người* và *Ta* hòa trong nghịch lý nỗi buồn riêng và niềm đau chung của những nhà nho chân chính phải chịu cảnh *Nho quan đa ngộ thân*, thì với

Thi Tiên là nỗi đau lớn của cái Đẹp trong cảnh đời *nhơ đục và hỗn tạp*, của tự do và nghệ thuật bị đóng khung như cảnh *Thử thân dĩ tác phân lung vật* (Thân này đã làm chim trong lồng - *Tân thu ngẫu hứng*), và *Sinh bình văn thái tàn lung phượng* (Văn chương tôi lúc bình sinh như chim phượng phải nằm trong lồng nát – *Tổng Nguyễn Sĩ Hữu Nam quy*). Từ miền giao thoa đó của *Người* với *Ta*, ánh sáng nhân văn của bi kịch của cái Đẹp tỏa rạng và lan xa thành nỗi đau chung của nhân loại – *Người ta*.

Đối với Tam Lư đại phu, cái nhìn độc và quan niệm riêng của Tố Như về *Người* thể hiện trong hình tượng thẩm mỹ mang tính hệ thống của ba bài thơ (*Tương Đàm điệu Tam Lư đại phu* (2 bài), và *Phản chiêu hồn*) thể hiện ở những điểm nhìn sau:

Một là, viếng người đã khuất xưa nhưng Tố Như gọi về nay chân dung tinh thần bất tử của hiền nhân với những nét đẹp tiêu biểu nhất, nhân văn nhất như những giá trị còn mãi với thời gian, không gian: *Người ham muốn tu dưỡng đức tốt ra đi đã hai nghìn năm,/ Đất này còn nghe thoảng mùi hương của hoa lan, hoa chỉ*. Hương người xưa không chỉ còn lưu lại, bất tử mà còn sinh sôi: *Bên bãi sông chòm đỗ nhược có thêm những giống hoa thơm*.

Hai là, từ điểm nhìn miêu tả chuyển sang điểm nhìn đánh giá, triết luận, và bằng cách đó, nâng tầm trực cảm của hình tượng Tam Lư đại phu lên tầm phổ quát của nhân loại, chuyển cái của *Người* trong sự giao thoa với *Ta* ở miền thương cảm, đồng vọng thành cái *Người ta*:

*Trực giao hiến lệnh hành thiên hạ,
Hà hữu Ly tao kế Quốc phong?(...)
Thiên cổ thủy nhân liên độc tỉnh,
Tứ phương hà xứ thác cô trung?*

(Vị như hiến lệnh được ban hành trong thiên hạ,/ Thì làm gì có được Ly tao nổi

tiếp Quốc phong?/ Nghìn xưa có ai thương người một mình tinh táo,/ Bốn phương có chốn nào gửi được tâm lòng cô trung?)

Ở đây, thêm một lần nữa, trong quan niệm của Tố Như thì nghịch lý của văn chương thành chuyện của nhân loại muôn đời: Văn chương đích thực bật lên từ nỗi đau lớn; con người nhân văn *một mình tinh táo* luôn cô biệt xưa nay, mà một khi đã như thế thì *Hà dĩ thanh tinh khan thế sự,/ Phù bình nhiễu nhiễu cánh kham ai* như chính Tố Như bây giờ đây!

Ba là, hình tượng Tam Lư đại phu được nhìn trong thế đối lập với xã hội giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cao khiết và thấp hèn, giữa trung thực và giả dối, giữa thiên lương và ác quỷ trong thái độ phủ định triệt để những *Thượng quan* ngày nay:

*Xuất giả khu xa, nhập cử tọa,
Tọa đàm lập nghị giai Cao, Quỳ.
Bất lộ thảo nha dữ giác độc,
Giảo tước nhân nhục cam như di!*

(Khi đi ra đường thì giọng ruồi xe,/ Họ đứng ngồi bàn tán như ông Cao, ông Quỳ./ Họ che giấu nanh vuốt và nọc độc,/ Nhưng cắn xé thịt người ngọt xót như đường).

Quan niệm và cái nhìn của Nguyễn Du về Khuất Nguyên trong *Phản chiêu hồn* cũng độc, cũng khác lòng người ta, và đặc biệt là trái ngược với cái nhìn và quan niệm của Tống Ngọc trong *Chiêu hồn*. Qua đó, thái độ phủ định của *Phản chiêu hồn* không chỉ dừng lại một hạng người nào mà phổ trùm lên cả không gian *bụi cuốn mù mịt*, tang thương và bi thảm, mệnh mông không giới hạn:

*Hậu thế nhân nhân giai Thượng quan,
Đại địa xứ xứ giai Mịch La.
Ngư long bất thực, sài hổ thực,
Hồn hề! Hồn hề! Nại hồn hà?*

(Đời sau người đều là Thượng quan,/ Mặt đất này đâu đâu cũng là sông Mịch

La./ Cá rồng chẳng nuốt, hùm sói cũng ăn./
Hồn ơi! Hồn ơi! Hồn làm thế nào?)

Trong hình tượng này, *Ta* hòa vào trong cái đẹp và cả trong nỗi bi phần của *Người* để thấu hiểu và đau xót mà thiết tha kêu gọi, khẩn nài hồn *Người* rằng *đừng về đây nữa*. Cái nỗi cô trung, cái chết oan của *Người* có nguyên do từ bi kịch, bi kịch của cái Đẹp - Tài - Tình. Và điều đó cũng chẳng khác gì bi kịch của Lý Thanh Liên, của Đỗ Thiệu Lăng và bây giờ là đang là của chính Tố Như đây, phổ quát thành chuyện của *Người ta*.

3. Kết luận

Cái nhìn nghệ thuật, quan niệm nghệ thuật và bút pháp xây dựng, kiến tạo cấu trúc hình tượng trong thơ chữ Hán Nguyễn Du nổi bật trên nền thơ trung đại không chỉ của Việt Nam mà cả với Trung Quốc. Trong đó, cái nhìn *độc*, quan niệm mới mẻ, sáng tạo và kiểu kết cấu hình tượng *Người – Ta – Người ta* là những đặc trưng tiêu biểu, góp phần đáng kể trong việc tạo giá trị và sức sống vượt thời gian và không gian cho những sáng tạo nghệ thuật mà Tố Như đã phải *Bách niên niên cùng tử văn chương lý*.

Tố Như *đem trong sạch, tinh táo để nhìn đời, để như cánh bèo trôi giạt rất đáng thương*. Với cái nhìn trong trẻo hướng dương như đã vượt thoát lên tất cả ấy, Tố Như đọc thấu cái lõi của sự thật, của thể thái nhân tình, của nguyên do bao nỗi trầm luân kiếp người. Đó là cách tiếp cận và cảm quan cuộc sống và con người bằng văn hóa. Nghĩa là, nhìn từ văn hóa thì những vấn đề tinh chất của đối tượng không bị chìm vào tình thế sự việc cụ thể trực cảm của đối tượng, nhìn trong sự soi chiếu từ nhiều thời gian, không gian để định giá trị đối tượng và làm bật nổi cái căn cốt của đối tượng thẩm mỹ. Tiêu biểu như số phận của những nhân vật lịch sử, văn

hóa Trung Quốc nói chung và với Khuất Nguyên, Lý Bạch, Đỗ Phủ nói riêng trong đề tài sáng tác của Nguyễn Du vốn là những sự kiện quen thuộc đã có trước trong lịch sử, văn hóa Trung Quốc. Nhưng đến Tố Như, ông không chỉ lạ hóa đối tượng trong kỹ năng sáng tác để tạo cái mới, cái lạ mang dấu ấn sáng tạo riêng bởi chính ông đã nói rằng *Linh văn bất tại ngôn ngữ khoa (Lương Chiêu Minh thái tử phân kinh thạch đài)*, mà cái nhìn và quan niệm đó thể hiện đặc trưng tư duy nghệ thuật với tư tưởng nhân văn sâu sắc, mới mẻ của Tố Như: Xoáy sâu và làm nổi bật bản chất đối tượng thẩm mỹ trên nền văn hóa chung của nhân loại, nổi xưa với nay và dãi về nghìn năm sau, kết trần gian với âm phủ trong những linh giác về con người bằng tiêu chí văn hóa và nhân văn; khơi tỏa những ý nghĩa và giá trị của đối tượng từ hiện tượng cá biệt cụ thể thành vấn đề có tính phổ quát của nhân loại. Qua nghịch lý tiêu biểu đó trong thơ Nguyễn Du, cái lõi của hiện thực cuộc sống hiển lộ với những vấn đề trọng yếu nhất của con người luôn tồn tại và chảy xuyên qua các thời đại. Để phát hiện ra các nghịch lý trong số phận con người, ngoài sự cộng hưởng chân thành tha thiết của trái tim người nghệ sĩ với nỗi đau nhân tình, Tố Như, với mẫn cảm và linh giác thiên tài, đã nhìn ra được cái bản chất, quy luật ẩn chìm sau những cái có vẻ ngẫu nhiên của hình thức, hiện tượng. Hơn nữa, Tố Như đã thể hiện cái nhìn, quan niệm trong những trạng thái đặc thù của hình thức nghệ thuật mà thông qua nó, lần đầu tiên người ta tìm thấy nội dung tư tưởng mới. Kiểu kết cấu hình tượng *Người – Ta – Người ta* là một trong những biểu hiện hình thức mới của cái nhìn mang tính đặc thù của Tố Như. Theo ngôn từ và cách diễn đạt của M. Bakhtin thì đó là *hình thức mới của cái nhìn và khi không hiểu*

được hình thức mới của cái nhìn thì không thể hiểu được những gì trong cuộc sống mà lần đầu tiên được nhận ra và phát hiện nhờ các hình thức ấy⁽¹⁰⁾.

VIEWS OF THE UNIQUITY AND OF BEING DIFFERENT FROM OTHERS AS WELL AS THE STRUCTURE YOU – I – THEY IN ANCIENT CHINESE POEMS OF NGUYEN DU

Hoang Trong Quyen

ABSTRACT

The paper discusses some unique aspects of Nguyen Du, as presented in his ancient Chinese poems, as important factors in constructing his great and profound humanism. The aspects include: the “uniquity”, the aware of being different from others in views of nature, reality and human beings; cultural approach to subjects, creating a type of cultural realities that were able to presenting longer and larger perspectives of life; descriptions associated with philosophies, emotions with appreciations; and fusions of various subjects in three dimensions of time: past, present and future. Especially, by the type of structure You-I-They as well as the point of view on human condition at the intersection of synchronic - diachronic axes, Nguyen Du created humanistic individuals who suffers irrationality of human life, and was always lonely in the struggle for human dignity. Additionally, Nguyen Du described tragic fates of individuals through which universal humanistic ideals of humanity were glorified regardless time and space.

CHÚ THÍCH

- (1) Đường thời, Lý Bạch được vinh danh là Thi Tiên, Đỗ Phủ là Thi Thánh, Vương Duy là Thi Phật
 - (2) Lý Bạch tự cho mình là vị Trích tiên
 - (3) Lê Nguyên Lưu, *Đường thi tuyển dịch*, NXB Thuận Hóa, 1997, tr. 422.
 - (4) *Đỗ phủ tinh tuyển*, NXB Văn học, 2012, tr. 201
 - (5) *Thơ Đỗ Phủ* (Hoàng Trung Thông giới thiệu), NXB Văn học, 1962, tr. 248.
 - (6): Mai Quốc Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc, Lê Thu Yến, *Nguyễn Du toàn tập*, NXB Văn học, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 1996, t.1, tr.93. Các trích dẫn thơ chữ Hán của Nguyễn Du đều dẫn theo tài liệu này.
 - (7) *Thơ Đỗ Phủ* (Hoàng Trung Thông giới thiệu), 1962, Bđd, tr. 254.
 - (8) Lê Nguyên Lưu, *Đường thi tuyển dịch*, Bđd, tr.599.
 - (9) *Thơ Đỗ Phủ* (Hoàng Trung Thông giới thiệu), Bđd.
 - (10) M. Bakhtin, *Những vấn đề thi pháp Đôtxtôiepcki* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhân dịch), NXB Giáo dục, 1998, tr. 10.
- Ngày nhận bài: 20/04/2015
 - Chấp nhận đăng: 13/06/2016
- Liên hệ: Hoàng Trọng Quyền
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: quyenht@tdmu.edu.vn